

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ T,  
TỈNH AN G**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 4 – 2021

“V/v ly hôn giữa  
chị T và anh R”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN G**

**- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Hồ Thị Kim P

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn T
2. Bà Nguyễn Thị Kim C

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An G.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B An 1, xã An H, huyện Châu T, tỉnh An G.

*2. Bị đơn:* anh Nguyễn T R, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 01, ấp B Tây 1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ly hôn ngày 18/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 chị và anh R tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An H, huyện Châu T, tỉnh An G, Giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 08/10/2012. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do anh R có tính gia trưởng, vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, bất cứ chuyện gì cũng cự cãi, mỗi lần cự cãi thì nhiều ngày, có khi nửa tháng vợ chồng không nói chuyện với nhau. Đến khi chị sinh con thì mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, chị sinh con tại bệnh viện, anh R không quan tâm chuyện sống chết của chị, do sinh đẻ khó, không thể sinh thường được, bác sĩ chỉ định sinh mổ, anh R không chịu và cự cãi với bác sĩ, không ký giấy mổ, để chị đối mặt với sự sống chết. Sau khi sinh con xong, anh không chăm sóc vợ con. Ngoài ra, vợ chồng không phù hợp nhau trong quan hệ sinh lý, anh R có hành vi không lành mạnh, nếu chị không đồng ý thì anh R giận không nói chuyện, do sống ở gia đình chồng nên chị phải cố gắng chịu đựng. Từ tháng 11/2020 đến nay chị mang con về nhà cha mẹ ruột và vợ chồng ly thân. Do chị không còn tình cảm và cảm thấy sợ hãi khi gặp mặt anh R, nên chị yêu cầu ly hôn anh R.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 06/02/2016 chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh R cấp dưỡng cho con, vì chị có điều kiện nuôi con, chị có nghề làm tóc và làm nail, thu nhập B quân 6.000.000đ/tháng.

3. Về chia tài sản: Vợ chồng có tài sản chung là 01 mảnh đất thổ cư 150m<sup>2</sup>, tiền mặt 45.000.000đ, 04 bồn nuôi lương. Các tài sản này anh R đang giữ, chị không yêu cầu chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

- Tại Bản tự khai ngày 26/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn T R (là bị đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân, anh thống nhất về thời gian kết hôn và có đăng ký kết hôn như chị T trình bày trên. Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng nhà cha mẹ anh. Vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, cụ thể tháng 12/2020 buổi tối vợ nhắn tin điện thoại với ai không biết, anh nói với vợ không được nhắn tin với người khác, vài ngày sau anh đi cắt cỏ nuôi bò về mệt, chị T không quan tâm, anh nóng giận có nói nặng vài tiếng. Đến tháng 01/2021 anh đưa vợ con về nhà cha mẹ vợ

(huyện Châu T, tỉnh An G) để trị bệnh cho con, còn anh trở về nhà để nuôi bò, sau đó anh gọi điện thoại cho chị T không được, anh nghĩ chị T giận, nhưng anh không biết chuyện gì, mẹ ruột anh thấy anh nhớ vợ, nên nói anh đến nhà cha mẹ vợ năn nỉ T trở về, cha mẹ anh và nhờ vài người lớn đến năn nỉ nhưng chị T vẫn không về.

Anh thừa nhận việc vợ sinh con tại bệnh viện và việc anh có hành vi không lành mạnh trong quan hệ sinh lý như T khai trên, nhưng chị T không đồng ý anh cũng không ép buộc, việc này anh nhận sai. Nay, chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, vì anh không đuổi mà chị T tự đi về nhà cha mẹ vợ ở và anh nghi ngờ chị T có người đàn ông khác bỏ anh.

2. Nuôi con chung: Đúng như chị T trình bày, không có ý kiến về việc nuôi con.

3. Về chia tài sản: Thống nhất như chị T trình bày trên, anh đang giữ các tài sản này, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn T R, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh R.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị T và anh R là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, vợ chồng mâu thuẫn do anh R có tính gia trưởng, có hành vi không lành mạnh trong quan hệ sinh lý, gây áp lực cho chị, làm cho chị T sợ hãi khi gặp anh R và chị cương quyết ly hôn. Việc này anh R thừa nhận mình sai, nhưng anh không đồng ý ly hôn. Tòa án cho thời hạn một tháng (từ ngày 26/02/2021 đến ngày 31/3/2021) để anh R hàn gắn với chị T, nhưng anh vẫn không hàn gắn, anh cho rằng chị T tự bỏ đi và anh nghi ngờ chị T không chung thủy. Lý do anh R không đồng ý ly hôn, không có căn cứ để xem xét. Chị T yêu cầu ly hôn là lỗi hoàn toàn bên anh R.

[4] Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà H giải tại Tòa án không T thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”, theo quy định này thì yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho ly hôn giữa chị T và anh R.

[5] Về nuôi con chung: chị T và anh R có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 06/02/2016 chị T đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh R cấp dưỡng cho con, anh R không có ý kiến. Từ lúc ly thân đến nay chị T nuôi con có cuộc sống ổn định, chị có nghề nghiệp và có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Thu cho chị T trực tiếp nuôi, anh R không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng chị T không yêu cầu anh R cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh R có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản: Hai bên đương sự không có yêu cầu, Tòa án không đề cập.

[8] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn T R. Giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 08/10/2012 của Ủy ban nhân dân xã An H, huyện Châu T, tỉnh An G không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 06/02/2016 cho chị T trực tiếp nuôi, chị T đang nuôi dưỡng. Anh R không phải cấp dưỡng cho con.

Anh R không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị T phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001872 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An G.

5. Chị Nguyễn Thị Bích T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn T R vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Chi cục THADS H. Phú T;
- UBND xã An H, huyện Châu T, AG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Kim P**